

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 624/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1993

QUYẾT ĐỊNH
Về xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 25 của Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Xét đề nghị của Liên Bộ: Lâm nghiệp, Thương mại, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Hải quan tại tờ trình số 2587-LS/CN ngày 16 tháng 11 năm 1993,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

- Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục sản phẩm gỗ và lâm sản được phép xuất khẩu. Bãi bỏ Thông tư của Liên Bộ: Lâm nghiệp, Thương mại du lịch và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước số 09-TT/LB ngày 18 tháng 5 năm 1992 kèm theo danh mục sản phẩm gỗ, song xuất khẩu.
- Các sản phẩm gỗ (bao gồm gỗ rừng tự nhiên và gỗ rừng trồng) và lâm sản được phép xuất khẩu là những sản phẩm hoàn chỉnh được tinh chế đúng theo công nghệ bắt buộc, có tên gọi, nhóm gỗ, kích thước, hình dáng đã quy định trong danh mục kèm theo Quyết định này.
- Hợp đồng xuất khẩu phải ghi đúng tên gọi sản phẩm, số lượng, đơn vị tính, chủng loại gỗ, kích thước, chất lượng, đơn giá; đồng thời phải kèm theo bản vẽ kỹ thuật (hoặc mẫu hàng). Đối với những sản phẩm có hình dáng phức tạp được dùng ảnh màu để minh họa. Các hợp đồng xuất khẩu và bản vẽ kèm theo phải là bản gốc có chữ ký, con dấu của bên bán, chữ ký có dấu (nếu có) của bên mua.

4. Đối với sản phẩm gỗ và lâm sản xuất khẩu phát sinh thêm ngoài danh mục kèm theo Quyết định này nhưng xét thấy có mức tiêu hao nguyên liệu thấp và xuất khẩu có hiệu quả kinh tế cao thì được phép xử lý như sau:

Nếu sản phẩm cùng tên gọi, nhưng thay đổi hình dáng, kích thước (không vượt quá kích thước tối đa được quy định trong danh mục kèm theo), nhóm gỗ trừ gỗ quý hiếm theo quy định của Nghị định 18-HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) thì giao cho Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp tham khảo ý kiến Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan để quyết định.

Nếu là sản phẩm mới, số lượng lớn hoặc sử dụng nhóm gỗ quý hiếm IIA của Nghị định 18-HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) thì Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp cùng Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 2.

1. Thực hiện việc quản lý bằng hạn ngạch đối với gỗ dành cho chế biến để xuất khẩu. Bộ Lâm nghiệp phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lập và trình Chính phủ duyệt tổng hạn ngạch gỗ chế biến để xuất khẩu hàng năm. Căn cứ tổng hạn ngạch gỗ được duyệt, Bộ Lâm nghiệp phối hợp với Bộ Thương mại trực tiếp phân bổ thẳng hạn ngạch cho các doanh nghiệp kinh doanh và sản xuất sản phẩm gỗ đã được Bộ Thương mại cấp giấy phép xuất nhập khẩu trực tiếp. Bộ Thương mại căn cứ vào hạn ngạch đã phân bổ cho các doanh nghiệp nói trên để cấp giấy phép xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản theo đúng các quy định trong Quyết định này.

2. Bộ Lâm nghiệp cùng với Bộ Thương mại, bàn đề xác định cụ thể danh sách các doanh nghiệp kinh doanh và sản xuất hàng lâm sản được phép trực tiếp xuất khẩu. Các doanh nghiệp này phải có đủ điều kiện sau đây:

Có quyết định và đã đăng ký thành lập lại doanh nghiệp theo Quyết định số 388-HĐBT ngày 20 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép chế biến gỗ và lâm sản theo Quyết định số 14-CT ngày 15 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và có lực lượng công nhân kỹ thuật có tay nghề cần thiết đủ điều kiện chế biến các sản phẩm xuất khẩu theo công nghệ quy định.

3. Ban Vật giá Chính phủ phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và Bộ Lâm nghiệp xây dựng biểu giá ngoại tệ tối thiểu cho một đơn vị sản phẩm gỗ xuất khẩu phù hợp với giá gỗ trên thị trường trong và ngoài nước. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thương mại và Bộ Lâm nghiệp xây dựng biểu thuế xuất khẩu cho các mặt hàng được phép xuất khẩu phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước trong việc khai thác, chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ.

Điều 3. Các xí nghiệp liên doanh chế biến gỗ và lâm sản có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép đầu tư và giấy phép chế biến gỗ và lâm sản trước ngày có Chỉ thị 462-TTg ngày 11 tháng 9 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ được phép tiếp tục xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản, nhưng phải điều chỉnh cơ cấu sản phẩm xuất khẩu theo đúng danh mục sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Để kịp thời phát hiện và ngăn chặn những việc làm sai trái của các tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố như sau:

Bộ Lâm nghiệp thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng hữu quan, kiểm tra thực hiện các quy định trong việc phân bổ và sử dụng hạn ngạch gỗ chế biến và công nghệ sản xuất chế biến sản phẩm gỗ và lâm sản xuất khẩu theo các quy định tại Quyết định này.

Bộ Thương mại bảo đảm cấp giấy phép xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản cho các doanh nghiệp đúng theo quy định tại Quyết định này.

Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm kiểm hóa chặt chẽ sản phẩm gỗ và lâm sản xuất khẩu đúng theo những quy định trong danh mục kèm theo Quyết định này và hoàn thành các thủ tục hải quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trường hợp cần thiết khi Bộ Lâm nghiệp và Bộ Thương mại có yêu cầu thì Tổng cục Hải quan cho tái kiểm những lô hàng đã được đóng gói.

Ban Chỉ đạo quản lý thị trường Trung ương có trách nhiệm thường xuyên phối hợp theo dõi hoạt động xuất, nhập khẩu gỗ và lâm sản trên địa bàn cả nước để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định tại Quyết định này.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này gắn với việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 462-TTg ngày 11 tháng 9 năm 1993 ở địa phương mình, thường xuyên tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành (gồm Lâm nghiệp, Thương

mai, Quản lý thị trường, Hải quan, Nội vụ v.v...) để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý những việc làm sai trái trong quá trình thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

SẢN PHẨM GỖ VÀ LÂM SẢN XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 624-TTg ngày 29-12-1993)

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Nhóm gỗ	Hình dáng - kích thước sản phẩm	Công nghệ bắt buộc (các công đoạn gia công bắt buộc đối với sản phẩm và các chi tiết sản phẩm)
1	2	3	4	5	6
I 1	SẢN PHẨM ĐỒ GỖ Bàn ghế sa lông hoàn chỉnh có khắc, khảm, chạm	cái, bộ sản phẩm	2á 6 Sử dụng gỗ nhóm II.A phải	a. Có hình dáng kích thước theo hợp đồng xuất khẩu kèm theo bản vẽ kỹ	a. Sấy, cắt theo kích thước, bào, soi rãnh. Làm mộng, khắc, khảm, chạm, trổ... Đánh

	trở, tiện, sơn mài v.v. bằng gỗ hoặc gỗ kết hợp với vật liệu khác (mây, đá, mút, vải, giả da...)		thực hiện theo Nghị định 18-HĐBT ngày 17-01-1992	thuật, mẫu hàng. b. Kích thước tối đa của mặt ghế bằng gỗ: - Dài: 600mm - Rộng 600mm - Dày: 35mm c. Kích thước tối đa của mặt bàn bằng gỗ: - Dài: 1200mm - Rộng: 700mm - Dày: 35mm	bóng, trang trí bề mặt. b. Khi đóng gói cho phép tháo rời.
2	Hàng thủ công mỹ nghệ bằng gỗ có khắc, khảm, chạm trở, tiện, sơn mài v.v.	Cái, bộ sản phẩm	lá 4 sử dụng gỗ nhóm II.A phải thực hiện theo Nghị	Có hình dáng kích thước theo hợp đồng xuất khẩu kèm theo bản vẽ kỹ thuật, mẫu hàng, ảnh chụp.	a) Sấy, cắt theo kích thước, bào. Làm mộng, khắc, khảm, chạm, trở... Đánh bóng, trang trí bề mặt. b) Khi đóng gói cho phép tháo rời.